

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ 1 NIÊN ĐỘ 2019-2020
(Từ ngày 01/10/2019 - 31/12/2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/10/2019)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.872.525.170	76.620.474.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.350.775.509	50.545.556.785
1. Tiền	111		8.650.775.509	6.945.556.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.700.000.000	43.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.291.667.561	8.911.191.854
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.300.075.234	7.526.989.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.275.651.600	826.986.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	715.940.727	557.215.879
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	43.109.823.807	16.994.737.100
1. Hàng tồn kho	141		44.611.304.585	18.496.217.878
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.501.480.778)	(1.501.480.778)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	1.120.258.293	168.989.090
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.120.258.293	168.989.090
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.681.755.824	26.110.100.005
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/10/2019)
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.385.067.604	20.171.391.260
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	20.314.507.120	20.086.580.776
- Nguyên giá	222		157.923.217.072	156.249.342.359
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(137.608.709.952)	(136.162.761.583)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	70.560.484	84.810.484
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(100.439.516)	(86.189.516)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	5.689.683.264	5.142.875.771
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.689.683.264	5.142.875.771
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	607.004.956	795.832.974
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		607.004.956	795.832.974
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/10/2019)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 – 100 + 200)	270		128.554.280.994	102.730.574.834
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		66.039.170.744	26.620.654.421
I. Nợ ngắn hạn	310		66.012.320.744	26.593.804.421
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	12.976.802.350	3.715.231.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	242.854.112	475.910.047
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.514.295.393	5.293.516.444
4. Phải trả người lao động	314		18.073.546.094	12.239.948.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.244.928.278	1.174.525.373
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	19.245.859.991	1.524.397.074
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	5.033.336.680	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.969.948.319	170.706.749
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	3.710.749.527	1.999.568.449
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2019)	Số đầu năm (01/10/2019)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.515.110.250	76.109.920.413
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	62.515.110.250	76.109.920.413
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.019.361.390	1.589.316.120
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.812.458.189	21.837.313.622
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.061.006.774	335.050.143
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.751.451.415	21.502.263.479
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		128.554.280.994	102.730.574.834

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thanh Sơn

Giám đốc

Hữu Minh Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Quý I niên độ 2019-2020 (từ 01/10-31/12/2019)*


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I NIÊN ĐỘ 2019-2020		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/10-31/12/2019)	Năm trước (01/10-31/12/2018)	Năm nay (01/10-31/12/2019)	Năm trước (01/10-31/12/2018)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	107.401.110.383	77.999.074.109	107.401.110.383	77.999.074.109
<i>Ghi chú: Doanh thu nội bộ</i>			<i>111.650.622.961</i>	<i>87.161.488.654</i>	<i>13.124.287.880</i>	<i>87.161.488.654</i>
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>			<i>23.147.473.025</i>	<i>25.386.911.912</i>	<i>23.147.473.025</i>	<i>25.386.911.912</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		107.401.110.383	77.999.074.109	107.401.110.383	77.999.074.109
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	90.282.686.555	68.005.243.484	90.282.686.555	68.005.243.484
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		17.118.423.828	9.993.830.625	17.118.423.828	9.993.830.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	489.397.140	337.359.744	489.397.140	337.359.744
7. Chi phí tài chính	22	VL5	11.080.776	89.472.480	11.080.776	89.472.480
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>0</i>	<i>48.485.090</i>	<i>0</i>	<i>48.485.090</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VL8.b	2.412.872.455	2.256.277.557	2.412.872.455	2.256.277.557
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL8.a	7.072.608.276	6.784.539.333	7.072.608.276	6.784.539.333
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.111.259.461	1.200.900.999	8.111.259.461	1.200.900.999
11. Thu nhập khác	31	VL6	48.181.819	7.129.500	48.181.819	7.129.500
12. Chi phí khác	32	VL7	26.200.637	0	26.200.637	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		21.981.182	7.129.500	21.981.182	7.129.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.133.240.643	1.208.030.499	8.133.240.643	1.208.030.499
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL9	1.381.789.228	388.971.277	1.381.789.228	388.971.277
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		6.751.451.415	819.059.222	6.751.451.415	819.059.222
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.289	172	1.289	172
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu


 Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng phòng kế toán


 Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) ()*
Quý I niên độ 2019-2020 (từ 01/10-31/12/2019)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2019)	Năm trước (01/10-31/12/2018)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		8.133.240.643	1.208.030.499
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.568.104.423	2.275.968.612
- Các khoản dự phòng	03		153.323.000	358.388.471
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.412.622)	22.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		478.316.364	247.887.264
- Chi phí lãi vay	06		0	65.642.468
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		10.329.571.808	4.177.917.314
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.307.923.162)	(1.078.058.459)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.115.086.707)	(51.484.376.133)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.462.815.315	9.394.587.247
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(951.269.203)	2.684.593.894
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(46.749.673)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-2.374.818.865	(614.522.708)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(353.800.000)	(262.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(16.310.510.814)</i>	<i>(37.228.608.518)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.881.780.767)	(1.992.915.727)

		Lũy kế từ đầu năm	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.881.780.767)	(1.992.915.727)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	5.033.336.680	11.947.116.579
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.033.336.680	11.947.116.579
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(13.158.954.901)	(27.274.407.666)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	50.545.556.785	39.793.956.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(35.826.375)	(60.210.809)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	37.350.775.509	12.459.337.966

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng phòng kế



Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Hứa Minh Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 niên độ 2019-2020 (Từ 01/10/2019-31/12/2019)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Vân Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông,
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2019 : 23.110 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Tiền mặt		2.120.849.886	826.449.970		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		6.529.925.623	6.119.106.815		
Các khoản tương đương tiền		28.700.000.000	43.600.000.000		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng					
Cộng		37.350.775.509	50.545.556.785		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		2.476.267.683	394.856.027		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		1.026.754.350	518.163.250		
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		2.908.162.400	1.738.483.680		
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		65.247.977	643.474.172		
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát		738.148.760	794.498.815		
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hưng		1.661.011.250			
Công ty TNHH TM XD XNK Hưng Hiệp		2.704.625.000	0		
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		858.675.555	1.409.964.925		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		3.648.317.925	1.246.735.200		
Khách hàng khác		2.212.864.334	780.813.306		
Cộng		18.300.075.234	7.526.989.375		
4. Trả trước cho người bán ngắn		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty CP kỹ thương Đại Việt		750.000.000	750.000.000		
Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật			-		
Công ty TNHH Đức Thịnh		134.261.600	16.836.600		
Công ty Cổ phần Cát Thịnh		256.000.000			
Khách hàng khác		135.390.000	60.150.000		
Cộng		1.275.651.600	826.986.600		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/12)		Đầu năm (01/10)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Trần Trọng Nghĩa - Hỗ trợ mua xe		15.000.000		30.000.000	
Thuế TNCN phải thu		13.717.969		26.218.278	
Tạm ứng		614.810.000		384.912.000	
Phải thu công đoàn NM sản				100.000.000	
Phải thu phí hàng nhập đối tác		32.120.000			
Các khoản phải thu khác		40.292.758		16.085.601	
Cộng		715.940.727	-	557.215.879	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi****Số đầu năm**

Trích lập dự phòng bổ sung

Giảm do thu hồi được nợ

Số cuối kỳNợ phải thu,
cho vay ngắn
hạnNợ phải thu, cho
vay dài hạn**Cộng****7. Hàng tồn kho:****Cuối năm (31/12)****Đầu năm (01/10)****Giá gốc****Dự phòng****Giá gốc****Dự phòng**

Nguyên liệu, vật liệu;

9.277.512.774

8.633.527.436

Chi phí sản xuất KD dở dang;

1.771.281.476

1.602.266.263

Thành phẩm;

33.562.510.335 (1.501.480.778)

8.260.424.179

(1.501.480.778)

Hàng gửi bán;

-

-

Cộng

44.611.304.585 (1.501.480.778)

18.496.217.878

(1.501.480.778)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

CP vật tư Yên Bình

Công cụ dụng cụ NM Minh Quân

Công cụ dụng cụ tại Văn phòng

CP sửa chữa kho chứa giấy lễ tại Phú Thịnh

Công cụ vật tư, CP sửa chữa lớn MMTB tại Yên Hợp

CP sửa chữa tại NM Quế

CP sửa chữa tại các NM

Cộng**Cuối kỳ****Đầu năm**

-

14.530.587

601.947.156

26.442.000

20.000.000

15.933.110

-

-

1.120.258.293

168.989.090

9. Phải thu dài hạn khác**Cuối kỳ****Đầu năm****Giá trị****Dự phòng****Giá trị****Dự phòng**

Thuế của nhà thầu nước ngoài

-

-

-

-

Cộng

-

-

-

-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, trau vận dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	57.662.859.891	91.970.277.720	5.652.284.712	354.450.000	609.470.036	156.249.342.359
Số đầu năm	561.999.710	1.036.359.688	-	183.421.369	-	1.781.780.767
Tăng trong kỳ	561.999.710	1.036.359.688	-	183.421.369	-	1.781.780.767
-Do mua sắm mới						
-Do phân loại TSCĐ						
-Do phân loại TSCĐ						
-Do XD/CB hoàn thành						
Giảm trong kỳ	-	(107.906.054)	-	-	-	(107.906.054)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	58.224.859.601	92.898.731.354	5.652.284.712	537.871.369	609.470.036	157.923.217.072
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	45.506.100.617	73.111.867.795	844.204.618	88.450.000	609.470.036	120.160.093.066
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	52.575.753.063	79.054.120.951	3.635.467.533	287.950.000	609.470.036	136.162.761.583
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	530.959.430	789.374.380	201.163.870	32.556.743	-	1.553.854.423
- Tăng do điều chỉnh phân loại						
- Tăng do điều chỉnh phân loại						
Giảm trong kỳ	-	(107.906.054)	-	-	-	(107.906.054)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	53.106.712.493	79.735.589.277	3.836.631.403	320.306.743	609.470.036	137.608.709.952
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.087.106.828	12.916.156.769	2.016.817.179	66.500.000	-	20.086.580.776
Số cuối kỳ	5.118.147.108	13.163.142.077,17	1.815.653.309	217.564.626	-	20.314.507.120

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa và sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	14.250.000	100.439.516	70.560.484

12. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Sửa chữa lớn MMTB tại NM Yên Hợp	-	122.300.500	-	122.300.500
XD sân bê tông, SC máy móc NM Văn c	246.554.570	285.078.415	316.002.570	215.630.415
SC đường điện, HT sấy, kho tại yên bin	70.239.900	244.453.376	-	314.693.276
SC máy móc thiết bị tại Minh Quân	12.862.500	424.999.418	245.997.140	191.864.778
Cải tạo hệ thống sàng công DC 2 - NM s	93.582.438	66.317.000	34.341.506	125.557.932
Chi phí hệ thống xử lý nước thải Yên Hợp	-	-	-	-
Chi phí hệ thống xử lý nước thải Văn yên	4.719.636.363	-	-	4.719.636.363
Cộng	5.142.875.771	1.143.148.709	596.341.216	5.689.683.264

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP Khai thác nước mặt tại Yên Hợp	47.272.726	50.227.270
CP Khai thác nước mặt + SC HT nước thải Minh quân	194.420.214	213.140.562
CP CCDC tại văn phòng	109.742.610	148.425.873
CP Sửa chữa HT biogas Văn yên	255.569.406	384.039.269
CP tại NM sản Văn yên	-	-
Cộng	607.004.956	795.832.974

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	231.834.901	237.749.298
Công ty TNHH An Hoa	297.000.000	589.050.000
Công ty cổ phần Đông á	309.741.449	713.659.448
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	276.430.000	187.660.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	126.720.000	147.840.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	135.691.600	163.726.200
Công ty CP Việt Thịnh	245.691.248	116.469.500
Nguyễn Trường Giang (Đại lý sản)	857.454.300	-
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	740.846.689	793.864.489
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	1.277.165.300	-
Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	523.448.700	-
Đặng Thiết Hùng (Đại lý sản)	838.917.200	-
Triệu Thiều Lâm (Đại lý sản)	553.796.600	-
Nguyễn Thị Kim Oanh (Đại lý sản)	1.181.168.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Vũ Thị Hằng	(Đại lý sản)	754.113.400	
Trần Văn Thảo	(Đại lý sản)	1.220.554.800	
Phải trả các đối tượng khác		3.406.227.963	765.212.970
Cộng		12.976.802.350	3.715.231.905

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty HUEI TAI TRADING CO	-	84.207.065
HTX tiêu thụ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát	-	-
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Mạnh Hùng	3.518.190	5.506.560
Công ty cổ phần Thiên Phúc	24.973.941	24.973.941
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		
Công ty TNHH MTV Quan - JIA	-	-
Công ty CP JUNMA Yên Bái	178.886.460	178.886.460
Phải trả cho các đối tượng khác	35.475.521	182.336.021
Cộng	242.854.112	475.910.047

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.033.470.891	6.094.560.525	7.021.854.481	1.106.176.935
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	231.400	231.400	0
Thuế nhập khẩu	0			0
Thuế TNDN	2.302.266.320	1.381.789.228	2.302.266.320	1.381.789.228
Thuế thu nhập cá nhân	947.852.593	272.909.265	1.220.761.858	0
Thuế tài nguyên	9.926.640	59.127.840	42.725.250	26.329.230
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		109.332.576	109.332.576	0
Các loại thuế khác	0			0
Cộng	5.293.516.444	7.917.950.834	10.697.171.885	2.514.295.393

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường quý 4 năm 2019	239.914.800	864.900.000
Phí kiểm toán 06.T cuối năm 2019	-	55.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoán	234.999.999	
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	942.367.343	
Chi phí phụ tùng, Cọ nước thải NM sản	313.233.842	
Chi phí tiền điện	514.412.294	254.625.373
Chi phí trả trước tại nhà máy sản		
Cộng	2.244.928.278	1.174.525.373

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	137.323.252	85.711.292
Lãi thuế TNCN với tiền lãi vay phải trả	-	-
Tiền sáng kiến cải tiến KT	-	5.000.000
Bảo hiểm tai nạn lao động	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	714.896.774
Tiền thuế TNCN trả cho CNV	-	-
Phải trả khác tại VP	74.628.001	9.442.001
Tiền Cổ tức 2019	18.326.080.500	-
Phải trả khác	707.828.238	709.347.007
Tiền Tiết kiệm vật tư	671.495.998	684.766.277
Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác	36.332.240	24.580.730
Cộng	19.245.859.991	1.524.397.074

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	5.033.336.680	5.033.336.680
Cộng	-	-	5.033.336.680	5.033.336.680

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	0	5.033.336.680	0	5.033.336.680
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	-	-	-
	-	5.033.336.680	-	5.033.336.680

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí dự phòng theo kế hoạch sửa chữa hồ biogas nhà máy sản xuất vôi

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	613.604.122	1.000.000.000	0	1.613.604.122
Quỹ phúc lợi	1.385.964.327	720.181.078	9.000.000	2.097.145.405
	1.999.568.449	1.720.181.078	9.000.000	3.710.749.527

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<i>22. Phải trả người bán dài hạn</i>	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

<i>23. Phải trả dài hạn khác</i>	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Số dư đầu năm trước	Lợi nhuận trong kỳ				
Số dư đầu năm trước	47.600.880.000		323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223
Lợi nhuận trong kỳ					21.502.263.479	21.502.263.479
Trích lập các quỹ trong kỳ				692.792.061	(3.463.960.304)	(2.771.168.243)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP	4.000.000.000				(4.000.000.000)	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ	759.350.000			(759.350.000)		-
Chi cổ tức					(19.040.352.000)	(19.040.352.000)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo					(519.594.046)	(519.594.046)
Tăng vốn ĐL từ các quỹ						-
Số dư cuối năm trước	52.360.230.000		323.060.671	1.589.316.120	21.837.313.622	76.109.920.413
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000		323.060.671	1.589.316.120	21.837.313.622	76.109.920.413
Lợi nhuận trong kỳ					6.751.451.415	6.751.451.415
Trích lập các quỹ trong kỳ				430.045.270	(430.045.270)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(1.720.181.078)	(1.720.181.078)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo					(300.000.000)	(300.000.000)
Chi cổ tức năm 2019 (35%)					(18.326.080.500)	(18.326.080.500)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP						-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ						-
Bán cổ phiếu quỹ						-
Số dư cuối năm nay	52.360.230.000		323.060.671	2.019.361.390	7.812.458.189	62.515.110.250

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	52.360.230.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
Cộng	52.683.290.671	47.923.940.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.360.230.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	-
d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	5.236.023	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.236.023	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông	5.236.023	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.236.023	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....	1.289	3.999
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	2.019.361.390	1.589.316.120
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	4.517.210.623	4.632.981.976
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Ngoại tệ các loại: USD	129.002,920	407.019,290

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ	107.401.110.383	77.999.074.109
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	107.401.110.383	77.999.074.109
Trong đó: Doanh thu nội địa	84.253.637.358	52.612.162.197
DT xuất khẩu trực tiếp	23.147.473.025	25.386.911.912
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	17.847.399.200	22.017.118.050
Tương đương Tiền USD	771.510,00	945.810,0
- DT Sản phẩm Giấy để XK	5.300.073.825	3.369.793.862
Tương đương Tiền USD	229.096,83	144.769,67
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	-
Quy ra USD	-	-
Tổng cộng USD:	1.000.606,83	1.090.579,67
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	107.401.110.383	77.999.074.109

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	-	0
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	90.282.686.555	68.005.243.484
	90.282.686.555	68.005.243.484
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	465.339.300	305.993.820
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	24.057.840	31.365.924
Cộng	489.397.140	337.359.744
5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	11.080.776	40.987.390
- Lãi tiền vay;	-	48.485.090
	11.080.776	89.472.480
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	48.181.819	7.129.500
Cộng	48.181.819	7.129.500
7. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	-	-
- Chi phí khác	26.200.637	0
- Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
Cộng	26.200.637	-
8. Chi phí bán hàng và chi phí	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.578.079.484	3.733.680.016
Chi phí vật liệu quản lý	68.876.557	142.639.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.801.831	448.844.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	159.328.149	287.011.995
Thuế, phí và lệ phí	419.110.001	575.622.250
Chi phí dự phòng	153.323.000	39.393.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	374.058.729	316.395.607
Chi phí bằng tiền khác	1.223.030.525	1.240.952.110
Cộng	7.072.608.276	6.784.539.333
b) Các khoản chi phí bán hàng phát		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	2.412.872.455	2.256.277.557
Cộng	2.412.872.455	2.256.277.557

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<i>9. Chi phí thuế thu nhập doanh</i>	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.381.789.228	388.971.277
	1.381.789.228	388.971.277

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thanh Sơn



Hứa Minh Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)				Giấy lẻ +		Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để mã	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Ván bóc+rác ván	Cộng		
Năm nay								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	30.088.440.840	17.847.399.200	58.361.147.500	798.933.388	300.189.455	-	107.396.110.383	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	13.122.657.092	16.527.211.028	48.097.437.288	760.975.791	(111.690.632.961)	-	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.230.782.602	34.374.610.228	106.458.584.788	1.559.909.179	300.189.455	(111.490.632.961)	107.396.110.383	
Chi phí bộ phận	-	24.726.223.839	56.052.533.242	1.057.028.749	-	-	99.462.977.831	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	5.362.217.001	2.308.614.258	(258.095.361)	-	-	7.632.943.097	
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	489.397.140	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(11.080.776)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	48.181.819	
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(26.200.637)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(1.381.789.228)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	6.751.451.416	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Đơn vị tính: VND				
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tính bột sắn	Tính đầu quế	Cộng					
Số cuối năm										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	82.551.168.882	10.651.312.272	1.961.506.501	28.649.099.207	4.741.194.132	128.554.280.994				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(19.440.243.708)	6.403.732.731	185.153.551	11.218.993.668	1.632.363.758	-				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Tổng tài sản	63.110.925.174	17.055.045.003	2.146.660.052	39.868.092.875	6.373.557.890	128.554.280.994				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.725.944.150	9.706.762.532	1.888.999.735	29.914.596.467	4.802.867.860	66.039.170.744				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Tổng nợ phải trả	19.725.944.150	9.706.762.532	1.888.999.735	29.914.596.467	4.802.867.860	66.039.170.744				
Số đầu năm										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	85.078.908.159	9.174.822.611	1.894.799.947	2.719.009.011	3.863.035.106	102.730.574.834				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(19.241.521.570)	5.974.195.596	147.287.649	11.723.727.455	1.396.310.870	-				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Tổng tài sản	65.837.386.589	15.149.018.207	2.042.087.596	14.442.736.466	5.259.345.976	102.730.574.834				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.968.987.746	9.174.822.611	1.894.799.947	2.719.009.011	3.863.035.106	26.620.654.421				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-				
Tổng nợ phải trả	8.968.987.746	9.174.822.611	1.894.799.947	2.719.009.011	3.863.035.106	26.620.654.421				

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	84.253.637.358	52.612.162.197
Khu vực xuất khẩu	23.147.473.025	25.386.911.912
Cộng	<u>107.401.110.383</u>	<u>77.999.074.109</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(1.881.780.767)	(1.992.915.727)
Cộng	<u>(1.881.780.767)</u>	<u>(1.992.915.727)</u>

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thanh Sơn

